

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2026/DS-ST

Ngày 09-02-2026

V/v tranh chấp về Kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bấm

Bà Bùi Thị Kiểm

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai, Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 3, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Phạm Hùng Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 3 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp Kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 01/2026/QĐST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bảo hiểm xã hội quận N (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở N), thành phố Hải Phòng (viết tắt là BHXH cơ sở N); địa chỉ: Lô 20B Khu đô thị mới B, phường G, quận N(nay là phường V), thành phố Hải Phòng .

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Đinh Thị Thu T; chức vụ: Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội cơ sở N; địa chỉ: Số 19 Cát Bi, TDP E5, B, A Hải Phòng (nay là phường Hải An, Hải Phòng); có mặt.

- Bị đơn: Ủy ban nhân dân phường K, quận N(nay là UBND phường V), thành phố Hải Phòng (viết tắt là UBND phường V); địa chỉ: Số 1/126 đường Đ, phường V, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị Thu T; chức vụ: Phó trưởng phòng Văn hoá xã hội phường V; địa chỉ: Số 5/51 đường S, phường C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người làm chứng: Bà Trần Thị Ngọc Lan, nguyên cán bộ Phòng Lao động xã hội phường K (nay là phường V); nơi cư trú: Ngõ 189 đường K, phường K, quận N, thành phố Hải Phòng (nay là phường V, thành phố Hải Phòng); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/12/2012, Bảo hiểm xã hội quận N (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở N) có ký Hợp đồng số 13/HĐQL-CT về việc quản lý, chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH năm 2013 với UBND và đại diện chi trả phường K. Ngày 06/3/2013, đại diện chi trả của UBND phường K đã nhận tiền tạm ứng của BHXH quận N để chi trả lương hưu và trợ cấp BHXH tháng 3/2013 cho người hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH trên địa bàn phường là 4.073.000.000 (Bốn tỷ, không trăm bảy mươi ba triệu đồng).

Cuối ngày, số tiền còn tồn chưa phát hết được để trong két phòng làm việc tại trụ sở UBND phường là 2.286.409.300 đồng (Hai tỷ, hai trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm lẻ chín ngàn, ba trăm đồng). Rạng sáng ngày 07/3/2013, tại trụ sở làm việc UBND phường K, kẻ gian đã đột nhập mở trộm két bạc và lấy đi toàn bộ số tiền trên. Sau 01 năm kể từ ngày ra Quyết định khởi tố, ngày 13/3/2014 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án do chưa xác định được đối tượng gây án.

Ngày 25/9/2019, với sự chứng kiến của BHXH thành phố Hải Phòng, UBND quận N và Tòa án nhân dân quận N; BHXH quận N và UBND phường K (nay là Ủy ban nhân dân phường V) cùng ký kết Văn bản thỏa thuận về việc trả số tiền lương hưu và trợ cấp BHXH bị mất trộm vào tháng 3/2013. Theo đó, năm 2019 UBND phường K bồi hoàn cho BHXH quận N số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn); từ năm 2020 trở đi, trước ngày 30/6 hàng năm UBND phường K trả cho BHXH quận N số tiền là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng chẵn). Từ năm 2019-2024, UBND phường K đã thực hiện trách nhiệm trả tiền hàng năm theo Văn bản thỏa thuận trên với tổng số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng chẵn).

Trước thời điểm sáp nhập chính quyền địa phương cấp xã (01/7/2025), UBND phường K đã không thực hiện trách nhiệm bồi hoàn năm 2025 theo thời hạn quy định trong Văn bản thỏa thuận. Đến thời điểm hiện nay, UBND phường K (nay là phường V) còn phải trả cho BHXH Cơ sở N số tiền là 1.886.409.300 đồng (Một tỷ, tám trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm lẻ chín ngàn, ba trăm đồng).

Bảo hiểm xã hội Cơ sở N đề nghị TAND khu vực 3 buộc UBND phường K (nay là UBND phường V) thực hiện việc hoàn trả dứt điểm số tiền còn lại phải trả là 1.886.409.300 đồng (Một tỷ, tám trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm lẻ chín ngàn, ba trăm đồng).

Hiện nay vụ án trộm cắp Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án Trộm cắp tài sản từ ngày 13/3/2014 vì chưa xác định được đối tượng trộm cắp.

* Quan điểm của bị đơn trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa:

Bảo hiểm xã hội quận N(nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở N) có ký Hợp đồng số 13/HĐQL-CT về việc quản lý, chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH năm 2013 với UBND và đại diện chi trả phường K. Ủy ban nhân dân phường K sau khi đã nhận số tiền để chi trả lương hưu và trợ cấp BHXH tháng 3/2013 cho người hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH trên địa bàn phường là 4.073.000.000 (Bốn tỷ, không trăm bảy mươi ba triệu đồng). Số tiền còn lại đã được bà Trần Thị Ngọc Lan là công chức được Ủy ban nhân dân phường K phân công thực hiện việc chi trả tiền cất vào két sắt khoá lại và khoá cửa phòng trước khi ra về. Theo văn bản thỏa thuận về việc trả số tiền lương hưu và trợ cấp BHXH bị mất trộm vào tháng 3/2013 UBND phường K (nay là phường V) còn phải trả cho BHXH Cơ sở N số tiền là 1.886.409.300 đồng (*Một tỷ, tám trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm lẻ chín nghìn, ba trăm đồng*). UBND phường V là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của UBND phường K. Bị đơn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả số tiền cho BHXH Cơ sở N nhưng thực tế UBND phường chưa có kinh phí để chi trả ngay toàn bộ số tiền cho BHXH Cơ sở N. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Bà Trần Thị Ngọc Lan trình bày:

Ngày 06/3/2013 bà Lan được UBND phường giao nhiệm vụ chi trả tiền lương hưu theo đúng công việc được phân công và đã thực hiện đúng nhiệm vụ được giao. Sau khi hoàn thành công việc cuối ngày, hết giờ làm việc, bà Lan cất toàn bộ số tiền chưa phát hết vào trong tủ két sắt đặt trong phòng làm việc và khoá cửa phòng trước khi ra về. Sau khi sự việc mất trộm tiền xảy ra bà Lan đã phối kết hợp với cơ quan công an để điều tra xử lý vụ việc.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về đòi tài sản (đòi tiền). Bị đơn có trụ sở trên địa bàn phường V, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Hải Phòng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự; qua quá trình hỏi công khai tại phiên tòa:

Căn cứ khoản 14 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 155, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu Khởi kiện của Bảo hiểm xã hội quận N(nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở N) đối với Ủy ban nhân dân phường K (nay là UBND phường V) về việc Kiện đòi lại tài sản (kiện đòi tiền): Buộc Ủy ban nhân dân phường K (nay là Ủy ban nhân dân phường V) phải trả cho Bảo hiểm xã hội quận N(nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở N) số tiền 1.886.409.300 đồng (*Một tỷ, tám trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm lẻ chín nghìn, ba trăm đồng*). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Bảo hiểm xã hội cơ sở N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Ủy ban nhân dân phường V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho phần yêu cầu kiện đòi tài sản của nguyên đơn được chấp nhận. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tiền (Quản lý, Chi trả lương hưu, trợ cấp Bảo hiểm xã hội) nên đây là vụ án tranh chấp về kiện đòi tài sản quy định tại khoản 14 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở trên địa bàn phường V, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Hải Phòng theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hạn giải quyết vụ án: Vụ án thụ lý đến ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét về áp dụng pháp luật nội dung:

[4] Việc kiện đòi tài sản áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015

- Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5] Bảo hiểm xã hội quận N(nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở N) và Ủy ban nhân dân phường K (nay là Ủy ban nhân dân phường V) có ký Hợp đồng số 13/HĐQL-CT về việc quản lý, chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH năm 2013. Theo Điều 2 của Hợp đồng về trách nhiệm và nhiệm vụ của đại diện chi trả phường thì ngày 06/3/2013 Ủy ban nhân dân phường K và đại diện chi trả phường K đã nhận tiền tạm ứng của BHXH quận N để chi trả lương hưu và trợ cấp BHXH tháng 3/2013 cho người hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH trên địa bàn phường số tiền là 4.073.000.000 (Bốn tỷ, không trăm bảy mươi ba triệu đồng). Theo Điều 5 của Hợp đồng quy định:”....Trường hợp bên B (Ủy ban nhân dân phường K) để xảy ra mất

tiền hoặc chi trả không đầy đủ, không đúng chế độ cho người hưởng theo quy định thì bên B có trách nhiệm bồi hoàn cho bên A (Bảo hiểm xã hội quận N) toàn bộ số tiền đã mất....”.

[6] Số tiền còn tồn chưa chi trả hết được để trong két phòng làm việc tại trụ sở UBND phường K là 2.286.409.300 đồng (*Hai tỷ, hai trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm lẻ chín ngàn, ba trăm đồng*). Rạng sáng ngày 07/3/2013, tại trụ sở làm việc UBND phường K, kẻ gian đã đột nhập mở két bạc và lấy đi toàn bộ số tiền trên. Hiện nay vụ án Trộm cắp tài sản, chưa xác định được đối tượng trộm cắp, vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án vì chưa xác định được đối tượng.

[7] Ngày 25/9/2019 giữa BHXH quận N và UBND phường K ký Văn bản thỏa thuận về việc trả số tiền lương hưu và trợ cấp BHXH bị mất trộm vào tháng 3/2013. Năm 2019 UBND phường K đã trả cho BHXH quận N số tiền là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng chẵn*); từ năm 2020 trở đi, trước ngày 30/6 hàng năm UBND phường K trả cho BHXH quận N số tiền là 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng chẵn*). Năm 2019-2024, UBND phường K đã thực hiện trách nhiệm trả tiền hàng năm theo Văn bản thỏa thuận ngày 25/9/2019 với tổng số tiền là 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng chẵn*). BHXH quận N (nay là BHXH cơ sở N) khởi kiện Ủy ban nhân dân phường K (nay là Ủy ban nhân dân phường V) phải trả cho Bảo hiểm xã hội quận N (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở N) số tiền là 1.886.409.300 đồng (*Một tỷ, tám trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm lẻ chín ngàn, ba trăm đồng*) là có căn cứ chấp nhận.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Hải Phòng đưa bà Trần Thị Ngọc Lan, nguyên cán bộ Phòng Lao động xã hội phường K (nay là phường V) là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Căn cứ vào Văn bản thỏa thuận ngày 25/9/2019 giữa Ủy ban nhân dân phường K và Bảo hiểm xã hội quận N đã xác định Ủy ban nhân dân phường K là người có trách nhiệm chi trả cho Bảo hiểm xã hội quận N số tiền mất trộm còn lại về việc quản lý, chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH năm 2013 đã được bà Trần Thị Ngọc Lan cất vào két sắt khoá lại và khoá cửa ra về. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định bà Lan tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng.

- Về án phí:

[9] Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận: $1.886.409.300 = 36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \text{ của } (1.086.409.300 \text{ đồng}) = 68.592.279$.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 105, 166, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bảo hiểm xã hội quận N(nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở N), thành phố Hải Phòng đối với bị đơn Ủy ban nhân dân phường K (nay là Ủy ban nhân dân phường V), thành phố Hải Phòng.

1. Buộc Ủy ban nhân dân phường K (nay là Ủy ban nhân dân phường V) phải trả cho Bảo hiểm xã hội quận N(nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở N) số tiền là 1.886.409.300 đồng (*Một tỷ, tám trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm lẻ chín nghìn, ba trăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Bảo hiểm xã hội cơ sở N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Ủy ban nhân dân phường V còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ủy ban nhân dân phường V phải nộp 68.592.279 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bảo hiểm xã hội cơ sở N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho đối với yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Trả lại Bảo hiểm xã hội cơ sở N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 34.296.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000218 ngày 28 tháng 7 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 3 – Hải Phòng;
- Thi hành án DS thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Phương